TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 584/2019/HNGĐ-ST Ngày: 21-10-2019 V/v: Ly hôn, nuôi con giữa anh G và chị M	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Xuân G, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn G, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Gia H, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là anh Phạm Xuân G và bị đơn là chị Nguyễn Thị M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-8-2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Xuân G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 14-02-2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị giải quyết ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 06-10-2011; Phạm Minh T, sinh ngày 26-7-2015. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: anh Phạm Xuân G không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19-8-2019 và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày thống nhất với anh Phạm Xuân G về điều kiện kết hôn. Về quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn theo chị vợ chồng chung sống bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra cãi chửi do bất đồng về tính cách, quan điểm sống và trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, nên chị nhất trí ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh G đã trình bày. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị M không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-9-2019 cháu Phạm Gia K trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 27-9-2019, chính quyền địa phương nơi anh G và chị M sinh sống cung cấp: Vợ chồng anh G và chị M có xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai bên đều không báo chính quyền cơ sở hòa giải. Vợ chồng anh G và chị M có hai con chung là Phạm Gia K, sinh năm 2011 và Phạm Minh T, sinh năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M đã trầm trọng, anh G và chị M cùng nhất trí giải quyết ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh G và chị M.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con Phạm Gia K cho anh G nuôi dưỡng; giao con Phạm Minh T cho chị M nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Anh G và chị M không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa anh G giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn, chị M cũng nhất trí ly hôn với anh G. Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh G và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M xác định có 02 con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 06-10-2011; Phạm Minh T, sinh ngày 26-7-2015. Xét nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn và của con chung; Cháu K có nguyện vọng được ở với bố; cháu T còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy điều kiện của nguyên đơn và bị đơn là như nhau. Vì vậy, để đảm bảo cho sự ổn định sinh hoạt và sự phát triển tốt của các con chung, Hội đồng xét xử cần giao cháu K cho anh G nuôi dưỡng. Giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là anh Phạm Xuân G phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M.

2. Về nuôi con:

- Giao con Phạm Gia K; giới tính: nam, sinh ngày 06-10-2011 cho anh Phạm Xuân G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao con Phạm Minh T; giới tính: nữ, sinh ngày 26-7-2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Xuân G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002458 ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Anh Phạm Xuân G và chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã L, TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang